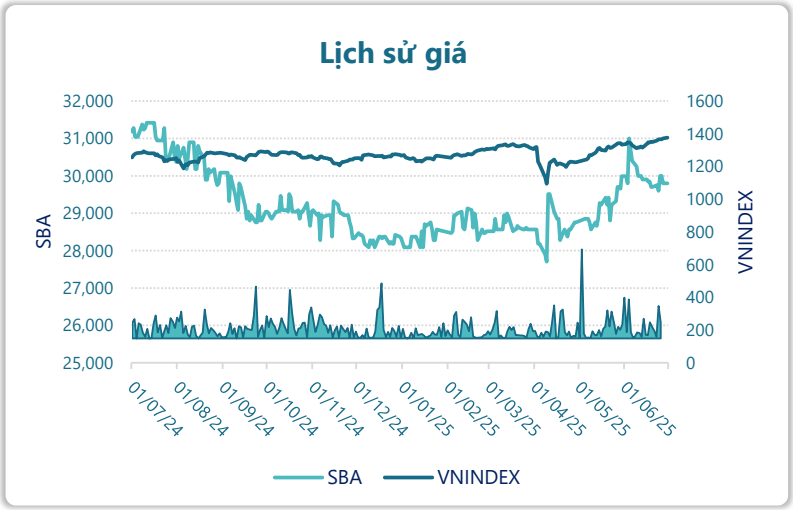
FireAnt

CTCP Sông Ba (HSX: SBA)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**29,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	31,419
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,705
SL cổ phiếu LH	60,488,261
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,850
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,803
P/E	13.9
EPS	2,147

DT thuần

Q2/25

58.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼23.0| -28.1%

YoY: ▲ 14.3| 32.4%

LN sau thuế

Q2/25

24.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.6| -32.2%

YoY: ▲ 7.10| 40.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

54.4%

+/- YoY: ▲ 2.7%

DT thuần

6T 2025

140

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 36.0| 34.4%

LN sau thuế

6T 2025

60.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.3| 36.7%

ROE

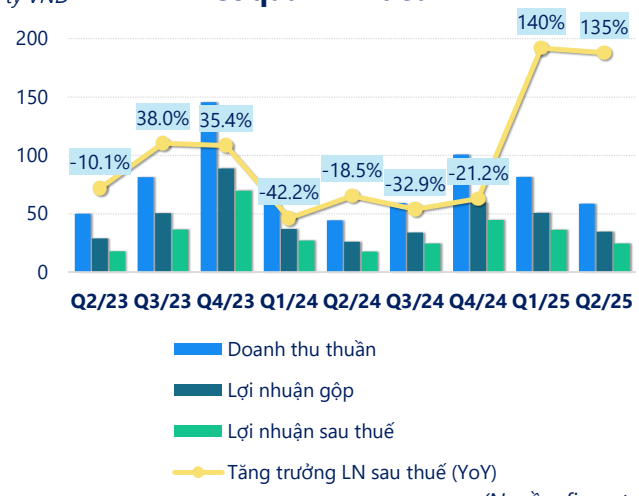
Q2/25

14.0%

+/- YoY: ▼ 2.6%

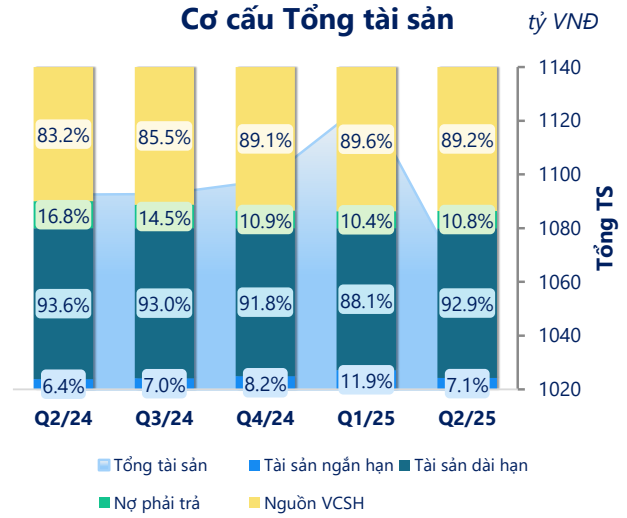
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



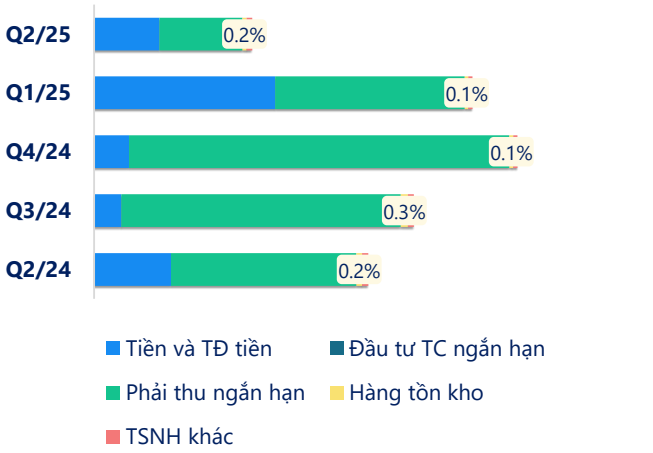
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



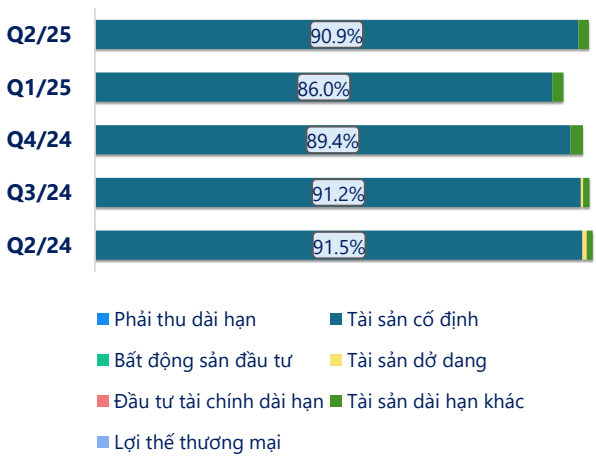
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



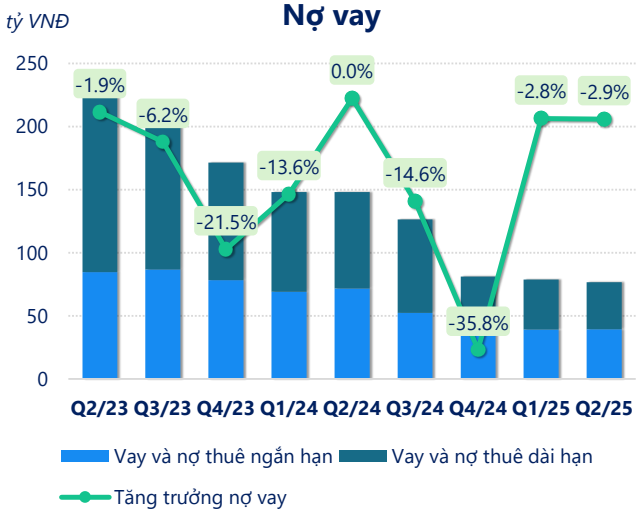
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



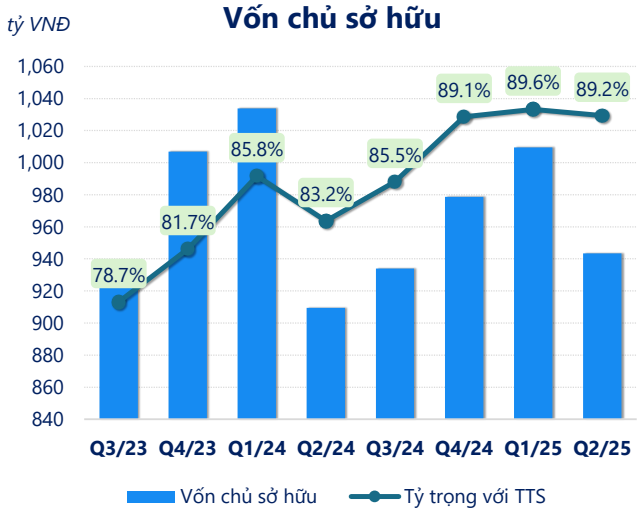
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



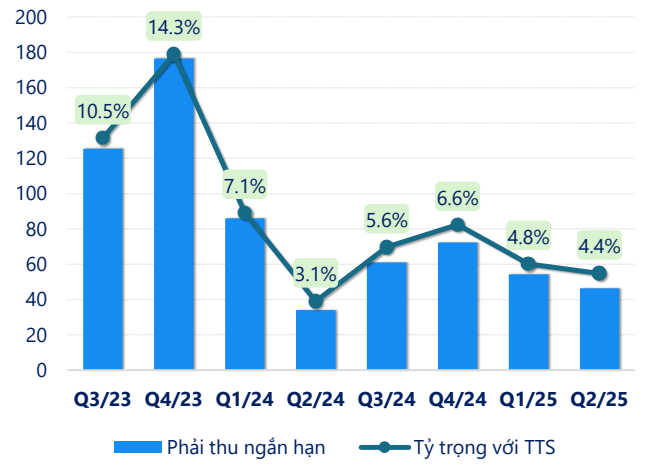
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



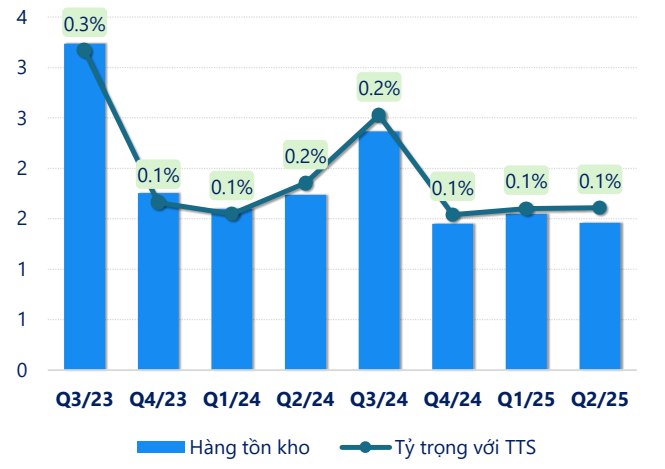
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



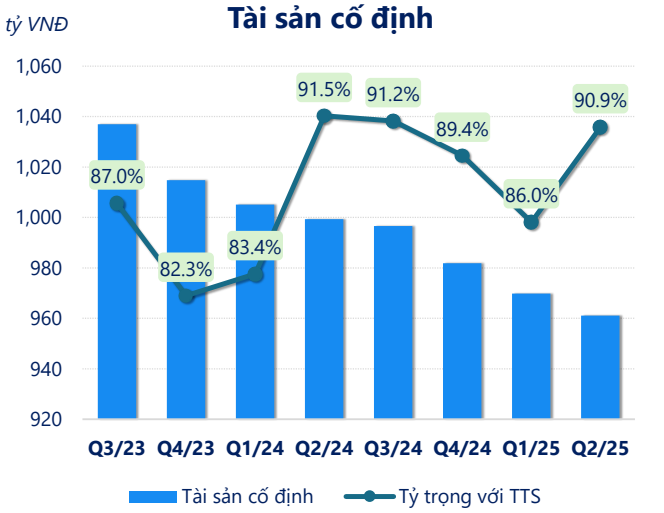
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



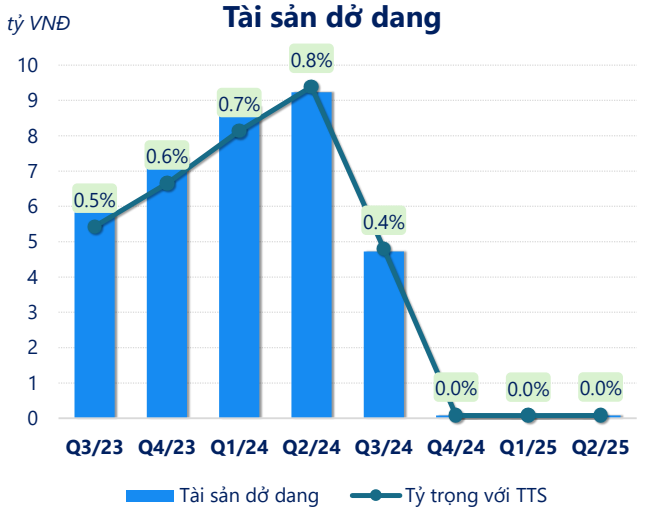
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



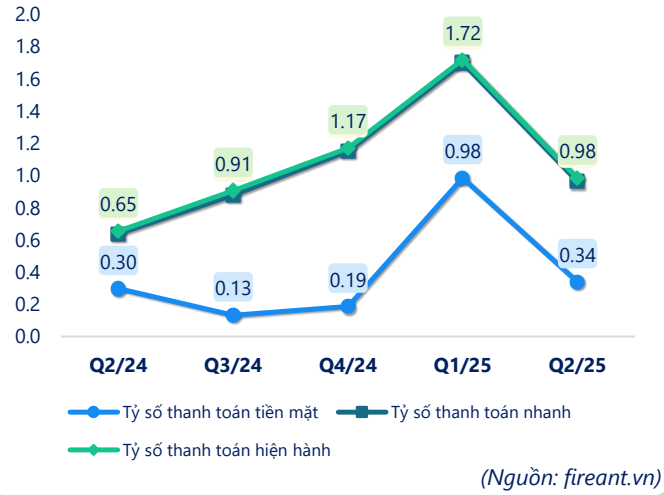
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



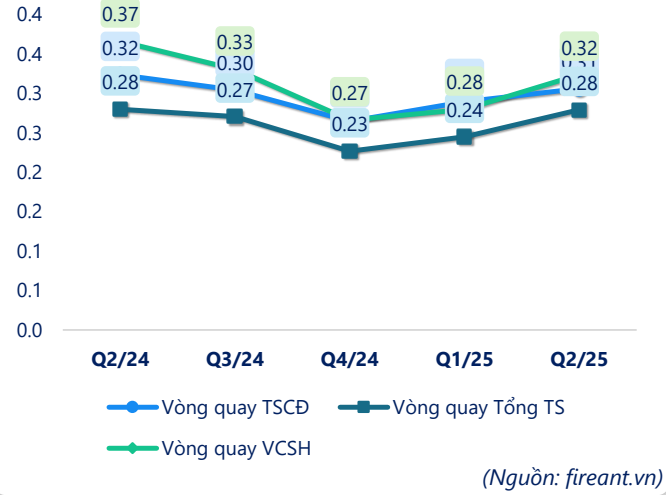
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,093**	**1,093**	**1,098**	**1,127**	**1,057**
Tài sản ngắn hạn	**69.8**	**76.7**	**90.3**	**134**	**75.4**
Tiền và tương đương tiền	31.6	11.2	14.4	76.8	26.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	34.1	61.0	72.4	54.3	46.4
Hàng tồn kho	1.74	2.37	1.45	1.55	1.46
Tài sản ngắn hạn khác	2.33	2.13	2.10	1.49	1.55
Tài sản dài hạn	**1,023**	**1,016**	**1,007**	**993**	**982**
Phải thu dài hạn	2.02	2.02	0.02	0.02	0.02
Tài sản cố định	999	997	982	970	961
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.23	4.72	0.08	0.08	0.08
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	12.2	12.7	25.5	23.1	20.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**183**	**159**	**119**	**118**	**114**
Nợ ngắn hạn	**107**	**84.7**	**77.2**	**78.0**	**76.8**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	71.7	52.3	39.2	39.2	39.3
Phải trả người bán ngắn hạn	1.65	0.70	0.76	0.22	0.66
Nợ dài hạn	76.5	74.2	42.0	39.6	37.3
Vay và nợ thuê dài hạn	76.5	74.2	42.0	39.6	37.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	**909**	**934**	**979**	**1,010**	**943**
Vốn chủ sở hữu	**909**	**934**	**979**	**1,010**	**943**
Vốn điều lệ	605	605	605	605	605
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)